TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 790/2023/DS-PT
Ngày: 31-7-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Đức

Bà Đặng Huyền Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31-7-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/DSPT ngày 29 tháng 05 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2686/QĐXXPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phúc M, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp 1, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Luật sư Trần Vĩ C, Công ty Luật TNHH MTV K– Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 1 đường N, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: 3 đường T, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: 2 đường P, Phường 2, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2022, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 04/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Phúc M trình bày:

Ông Đ có vay của bà M tổng số tiền 5.098.800.000 đ (năm tỷ không trăm chín mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) trong năm 2020, cụ thể như sau:

- Ngày 05/5/2020, bà M chuyển vào tài khoản số: 15101202235, ngân hàng Quân Đội của ông Đ số tiền là: 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) theo Giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP Quân Đội;
- Ngày 05/6/2020, bà M giao cho ông Đ số tiền là: 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) tiền mặt;
- Ngày 10/6/2020, bà M chuyển vào tài khoản số: 15101202235, Ngân hàng TMCP Quân Đội của ông Đ số tiền là: 3.798.800.000 đ (ba tỷ bảy trăm chín mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) theo Phiếu ủy nhiệm chi của Ngân hàng Sacombank;
- Ngày 11/6/2020, chuyển vào tài khoản số: 15101202235, Ngân hàng TMCP Quân Đội của ông Đ số tiền là: 600.000.000 đ (sáu trăm triệu đồng) theo Phiếu ủy nhiệm chi của Ngân hàng Sacombank và giao cho ông Đ 400.000.000 đ (bốn trăm triệu đồng) tiền mặt.

Khi vay tiền, ông Ngô Văn Đ có hứa với bà M rằng trong vòng 02 tháng Ông Đ sẽ bán căn nhà tại địa chỉ: 2 đường P, Phường 2, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để trả hết nợ cho bà M. Vì vậy, bà M mới tin tưởng cho Ông Đ vay tiền.

Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn 02 tháng như đã hứa, bà M nhiều lần yêu cầu Ông Đ trả cho bà M số tiền 5.098.800.000 đồng nêu trên nhưng Ông Đ viện nhiều lý do, hết lần này đến lần khác hứa hẹn nhưng không trả nợ cho bà M.

Vì vậy, ngày 19/8/2022, bà M đã gửi Thông báo về việc yêu cầu Ông Đ phải trả nợ cho bà M trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Theo phiếu báo phát của Bưu điện thì ngày 20/8/2022, Ông Đ đã nhận được thông báo của bà M. Tuy nhiên, cho đến khi hết thời hạn là 05 ngày nêu trên nhưng Ông Đ vẫn không có bất kỳ phản hồi nào.

Trong đơn khởi kiện bà M yêu cầu Tòa án buộc Ông Đ phải trả số tiền 5.098.800.000 đ (năm tỷ không trăm chín mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) là tiền đã vay của bà M và số tiền lãi của số tiền vay tính từ ngày 01/3/2022 đến ngày 29/8/2022 (ngày khởi kiện) là 509.880.000 đồng. Ngày 31/3/2023, bà M có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện vì lý do chưa thu thập được đầy đủ chứng cứ về việc cho Ông Đ vay số tiền mặt là 200.000.000 đồng vào ngày 05/6/2020 và 400.000.000 đồng vào ngày 11/6/2020, tổng cộng là 600.000.000 đồng, bà M chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Văn Đ phải trả lại cho bà M tổng số tiền nợ gốc là 4.498.800.000 đồng và số tiền lãi phát sinh với lãi suất 10%/năm trên nợ gốc kể từ ngày 26/8/2022 là ngày hết hạn trả nợ theo thông báo ngày 19/8/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Do bị đơn không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 117, Điều 357, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Ngô Văn Đ còn nợ bà Trần Thị Phúc M tổng số tiền 4.773.726.667 đ (bốn tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng); trong đó tiền nợ gốc là: 4.498.800.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 26/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/4/2023 là 274.926.667 đồng.

Buộc ông Ngô Văn Đ phải trả cho bà Trần Thị Phúc M tổng số tiền nợ cả gốc và lãi là 4.773.726.667 đ (bốn tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ khi bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện vì lý do chưa thu thập được đầy đủ chứng cứ về việc cho ông Đ vay số tiền mặt là 200.000.000 đồng vào ngày 05/6/2020 và 400.000.000 đồng vào ngày 11/6/2020, tổng cộng là 600.000.000 đồng. Đương sự có quyền khởi kiện tranh chấp này bằng vụ kiện khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã rút.

Do một phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà Trần Thị Phúc M số tiền 56.804.340 đ (năm mươi sáu triệu tám trăm lẻ bốn ngàn ba trăm bốn mươi đồng) là tiền tạm ứng bà M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0011956 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.773.727 đ (một trăm mười hai triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm hai mươi bảy đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần kháng cáo và thủ tục thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 24/4/2023, bị đơn ông Ngô Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ một cách khách quan, vi phạm tố tụng làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo và có yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận hòa giải được.

Luật sư trình bày: Không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh có giao dịch hợp tác giữa bị đơn với nguyên đơn. Địa chỉ của bị đơn đã được Tòa án sơ thẩm xác minh và tống đạt hợp lệ và đúng quy định nên không có vi phạm tố tụng. Đề nghị bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu nhận xét về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nhận định về nội dung kháng cáo, đã có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Nguyên đơn trình bày về khoản tiền bị đơn chuyển là thuộc giao dịch khác; Bị đơn vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết từ sơ thẩm đến phúc thẩm và không đủ cơ sở chứng minh đây là khoản trả tiền vay, vì vậy dành cho bị đơn quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng, đã đưa đủ và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Việc thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ các chứng từ ngân hàng do nguyên đơn cung cấp thể hiện, năm 2020 nguyên đơn có chuyển tiền vào tài khoản của bị đơn (tài khoản số 1510120223005 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội) số tiền là 4.498.800.000 đồng. Ngày 19/8/2022, nguyên đơn đã gửi "Thông báo" yêu cầu bị đơn phải trả số tiền

nợ trong thời hạn 05 ngày. Theo phiếu báo phát của Bưu điện thì ngày 20/8/2022, bị đơn đã nhận được thông báo đòi nợ.

Giai đoạn sơ thẩm, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo cũng như các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt, không thực hiện cung cấp lời khai, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình. Căn cứ yêu cầu khởi kiện và tài liệu thu thập được, căn cứ quy định pháp luật dân sự về chứng cứ và chứng minh, căn cứ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự về giải quyết, xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo những tài liệu chứng cứ thu thập được, là đúng pháp luật.

[3] Sau khi có bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ một cách khách quan, vi phạm tố tụng làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Xét: Giai đoạn sơ thẩm, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo cũng như các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không cung cấp được tài liệu, căn cứ nào nào để chứng minh việc sơ thẩm có vi phạm tố tụng làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn như nội dung bị đơn kháng cáo.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn gửi bản khai trình bày nội dung cho rằng số tiền nguyên đơn yêu cầu không phải là tiền vay mà là tiền hai bên hợp tác đầu tư nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai này của bị đơn.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn gửi bản khai và tài liệu là các chứng từ photo, cho rằng bị đơn đã thực hiện việc chuyển trả cho nguyên đơn nhiều lần qua tài khoản ngân hàng, với tổng số tiền là 927.500.000 đồng, vì vậy yêu cầu phải được trừ số tiền này khi giải quyết vụ án.

Nguyên đơn không chấp nhận nội dung bản khai của bị đơn và trình bày tranh tụng như sau: "Về khoản tiền bị đơn chuyển vào tài khoản cho nguyên đơn là tiền nguyên đơn giúp bị đơn trong việc mua bán nhà. Cụ thể bị đơn hứa nếu nguyên đơn giúp bán được căn nhà để xóa nợ tín dụng đen thì sẽ cho nguyên đơn đứng tên nửa (1/2) căn nhà hoặc cho nguyên đơn nửa (1/2) số tiền bán được. Hàng tháng bị đơn chuyển khoảng 15 đến 20 triệu là tiền giải quyết trước mắt". Tài liệu nguyên đơn cung cấp để chứng minh là Hợp đồng mua bán nhà, chứng từ chuyển khoản. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thừa nhận có nhận của bị đơn số tiền 689.500.000 đồng và trình bày đây là khoản tiền tương đương với số tiền cho thuê căn nhà của nguyên đơn, do nguyên đơn phải bán căn nhà này lấy tiền cho bị đơn vay để trả nợ tín dụng đen nên bị đơn thực hiện gửi lại cho nguyên đơn tương đương số tiền cho thuê nhà.

Xét thấy, toàn bộ các giai đoạn giải quyết, xét xử vụ án, bị đơn đều vắng mặt và không cung cấp các tài liệu hợp lệ là chứng cứ để chứng minh, không thực

hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu bị đơn gửi Tòa án tại giai đoạn phúc thẩm không được nguyên đơn thừa nhận là số tiền trả nợ, đồng thời nguyên đơn có lời khai và cung cấp tài liệu cho rằng đây là nội dung giao dịch khác của hai bên. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa để thực hiện đối chất, tranh tụng với nguyên đơn, tài liệu bị đơn cung cấp chưa đủ cơ sở để chứng minh đây là tiền trả cho khoản nợ của nguyên đơn. Vì vậy, dành cho bị đơn quyền khởi kiện đối với giao dịch này bằng một vụ kiện khác theo quy định chung về quyền khởi kiện, như vậy vẫn không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[4] Từ nhận định trên, xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Bản án sơ thẩm phần tuyên xử ghi "Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn" là không phù hợp với nội dung phần quyết định, phúc thẩm điều chỉnh lại cho chính xác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 150, 203, 218, khoản 2 Điều 244, Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 117, 357, 466, 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Ngô Văn Đ phải trả cho bà Trần Thị Phúc M số tiền nợ vay là 4.773.726.667 đồng (bốn tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng); Trong đó, tiền nợ gốc là 4.498.800.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 26/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/4/2023 là 274.926.667 đồng.

Kể từ khi bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Ông Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện 600.000.000 đồng (số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 05/6/2020 và số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 11/6/2020). Đương sự có quyền khởi kiện tranh chấp này bằng vụ kiện khác, theo quy định pháp luật về khởi kiện.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu, hoàn lại cho bà Trần Thị Phúc M số tiền đã nộp tạm ứng 56.804.340 đ (năm mươi sáu triệu tám trăm lẻ bốn ngàn ba trăm bốn mươi đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0011956 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Ông Ngô Văn Đ phải chịu là 112.773.727 đ (một trăm mười hai triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm hai mươi bảy đồng).

Án phí phúc thẩm: Ông Ngô Văn Đ phải chịu là 300.000 đồng; trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Biên lai thu AA/2022/0013249 ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Gò Vấp;
- THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Giảng